Cơ quan: Trường Chính trị tỉnh
Email: TCTQTC1@TCT
Thời gian ký: 11.12.2021 03:25:17 +07:00

TỈNH ỦY BÌNH THUẬN
**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ**
*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Bình Thuận, ngày 09 tháng 12 năm 2021*

# KẾT QUẢ ĐIỂM BÀI THU HOẠCH LẦN 1
## Lớp BD kiến thức QLNN, chương trình chuyên viên - Khóa 44 (Năm 2021)
## Ngày nộp: 24/11/2021

| STT | SBD | Họ và tên | | Năm sinh | Nơi sinh | Số phách | Điểm | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Bằng số | Bằng chữ | |
| 01 | 01 | Đặng Thị Như | Bình | 03/10/1990 | Bình Thuận | 50 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 02 | 02 | Nguyễn Thành | Chung | 19/9/1985 | Bình Thuận | 47 | 5.0 | Năm | |
| 03 | 03 | Lương Thành | Danh | 24/9/1988 | Bình Thuận | 48 | 6.0 | Sáu | |
| 04 | 04 | Trần Quang | Dũng | 30/4/1990 | Bình Thuận | 49 | 7.0 | Bảy | |
| 05 | 05 | Ngô Tùng | Duy | 12/01/1986 | Bình Thuận | 52 | 7.0 | Bảy | |
| 06 | 06 | Lê Thị Thu | Hà | 05/10/1992 | Bình Thuận | 43 | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 07 | 07 | Dương Hoàng | Hải | 07/8/1990 | Bình Thuận | 44 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 08 | 08 | Trần Diệu | Hằng | 22/10/1993 | Bình Thuận | 46 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 09 | 09 | Trần Thị Ngọc | Hạnh | 06/9/1989 | Bình Thuận | 42 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 10 | 10 | Nguyễn Hào | Hiệp | 11/12/1993 | Bình Thuận | 45 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 11 | 11 | Trần Ngọc | Hoài | 30/7/1996 | Bình Thuận | 40 | 3.0 | Ba | |
| 12 | 12 | Nguyễn Xuân | Hùng | 13/12/1980 | Ninh Thuận | 41 | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 13 | 13 | Nguyễn Văn | Hùng | 04/5/1977 | Nam Định | 37 | 7.0 | Bảy | |
| 14 | 14 | Nguyễn Quang | Hưng | 10/10/1975 | Lâm Đồng | 39 | 8.0 | Tám | |
| 15 | 15 | Nguyễn Văn | Hữu | 06/6/1997 | Bình Thuận | 38 | 7.0 | Bảy | |
| 16 | 16 | Võ Đức | Huy | 20/11/1991 | Bình Thuận | 34 | 8.0 | Tám | |
| 17 | 17 | Trần Thị Diệu | Huyền | 20/02/1992 | Bình Thuận | 46 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 18 | 18 | Trần Đình | Khoa | 24/3/1990 | Bình Thuận | 33 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 19 | 19 | Nguyễn Thị | Lạc | 10/11/1983 | Bình Thuận | 55 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 20 | 20 | Hoàng Trúc | Lâm | 31/10/1992 | Bình Thuận | 35 | 8.0 | Tám | |
| 21 | 21 | Trần Thị | Liên | 02/02/1991 | Bình Thuận | 30 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 22 | 22 | Nguyễn Đình | Luận | 20/02/1980 | Bình Thuận | 57 | 8.0 | Tám | |
| 23 | 23 | Trần Hải | Nam | 15/02/1982 | Bình Thuận | 31 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 24 | 24 | Đồng Thị Thúy | Ngân | 18/8/1995 | Bình Thuận | 32 | 6.0 | Sáu | |

| STT | SBD | Họ và tên | | Năm sinh | Nơi sinh | Số phách | Điểm | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Bằng số | Bằng chữ | |
| 25 | 25 | Lưu Thị Kim | Ngân | 02/7/1990 | Bình Thuận | 29 | 3.0 | Ba | |
| 26 | 26 | Nguyễn Thành | Nghiêm | 01/02/1991 | Bình Thuận | 27 | 7.0 | Bảy | |
| 27 | 27 | Ngô Hà Bảo | Ngọc | 27/7/1993 | Bình Thuận | 28 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 28 | 28 | Đặng Thị | Ngữ | 20/10/1990 | Bình Thuận | 56 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 29 | 29 | Nguyễn Thị Ái | Nhi | 28/9/1994 | Bình Thuận | 26 | 7.0 | Bảy | |
| 30 | 30 | Phan Thị | Oanh | 20/8/1992 | Bình Thuận | 53 | 8.0 | Tám | |
| 31 | 31 | Hoàng Thị | Oanh | 18/12/1989 | Thái Nguyên | 22 | 6.0 | Sáu | |
| 32 | 32 | Trần Thị Loan | Phương | 01/6/1982 | Bình Thuận | 21 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 33 | 33 | Nguyễn Thị | Quang | 10/6/1990 | Bình Thuận | 23 | 7.0 | Bảy | |
| 34 | 34 | Phạm Duy | Quang | 10/8/1990 | Bình Thuận | 24 | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 35 | 35 | Nguyễn Thị | Quy | 10/8/1995 | Bình Thuận | 25 | 7.0 | Bảy | |
| 36 | 36 | Phạm Ánh | Quỳnh | 18/11/1996 | Bình Thuận | 19 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 37 | 37 | Lại Thị Mỹ | Tâm | 10/10/1970 | Bình Thuận | 18 | 6.0 | Sáu | |
| 38 | 38 | Tô Minh | Tân | 10/10/1973 | Bình Thuận | 17 | 7.0 | Bảy | |
| 39 | 39 | Hứa Ngọc | Thắng | 31/12/1993 | Bình Thuận | 20 | 7.0 | Bảy | |
| 40 | 40 | Nguyễn Văn | Thảo | 05/6/1992 | Bình Thuận | 54 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 41 | 41 | Tô Thị Phương | Thảo | 21/01/1995 | Bình Thuận | 13 | 3.0 | Ba | |
| 42 | 42 | Võ Thùy | Thơ | 10/7/1994 | Bình Thuận | 12 | 7.0 | Bảy | |
| 43 | 43 | Nguyễn Khắc | Thọ | 28/11/1985 | Bình Thuận | 15 | 6.0 | Sáu | |
| 44 | 44 | Vũ Thị | Thu | 15/5/1991 | Thanh Hóa | 16 | 7.0 | Bảy | |
| 45 | 45 | Lê Đình | Thuận | 25/9/1973 | Thanh Hóa | 14 | 7.0 | Bảy | |
| 46 | 46 | Trần Xuân | Thùy | 02/12/1982 | Thái Bình | 11 | 4.0 | Bốn | |
| 47 | 47 | Lê Thị | Thùy | 22/8/1984 | Bình Thuận | 10 | 7.0 | Bảy | |
| 48 | 48 | Nguyễn Thị Hồng | Thủy | 09/4/1991 | Bình Thuận | 09 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 49 | 49 | Ngô Đức | Toàn | 16/6/1978 | Bình Thuận | 08 | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 50 | 50 | Nguyễn Thị Thùy | Trang | 24/7/1991 | Bình Thuận | 06 | 6.0 | Sáu | |
| 51 | 51 | Võ Thị Thanh | Trang | 30/7/1989 | Ninh Thuận | 07 | 7.0 | Bảy | |
| 52 | 52 | Bùi Thị Thùy | Trang | 20/3/1996 | Bình Thuận | 01 | 6.5 | Sáu rưỡi | |
| 53 | 53 | Trần Thị | Trọn | 26/10/1991 | Bình Thuận | 03 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 54 | 54 | Phạm Thanh | Tùng | 10/6/1991 | Bình Thuận | 02 | 6.5 | Sáu rưỡi | |

| STT | SBD | Họ và tên | | Năm sinh | Nơi sinh | Số phách | Điểm | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Bằng số | Bằng chữ | |
| 55 | 55 | Lê Hoàng Thanh | Vân | 29/8/1994 | Bình Thuận | 05 | 7.5 | Bảy rưỡi | |
| 56 | 56 | Trần Thị Mỹ | Vân | 23/11/1988 | Bình Thuận | 51 | 8.0 | Tám | |
| 57 | 57 | Mai Văn | Xuân | 01/10/1980 | Bình Thuận | 04 | 6.0 | Sáu | |

Tổng số bài: 57 bài

Trong đó:

| | | | |
|---|---|---|---|
| * Điểm 8.0: | 06 bài | * Điểm 6.0: | 07 bài |
| * Điểm 7.5: | 18 bài | * Điểm 5.0: | 01 bài |
| * Điểm 7.0: | 15 bài | * Điểm 4.0: | 01 bài |
| * Điểm 6.5: | 06 bài | * Điểm 3.0: | 03 bài |

Tỷ lệ:

| | | | |
|---|---|---|---|
| Giỏi: | 06 bài | (Tỷ lệ: | 10.53 %) |
| Khá: | 33 bài | (Tỷ lệ: | 57.89 %) |
| TB: | 14 bài | (Tỷ lệ: | 24.56 %) |
| Không đạt: | 04 bài | (Tỷ lệ: | 7.02 %) |

**NGƯỜI VÀO ĐIỂM**

**Lê Thị Thu Loan**

**TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH**

**Nguyễn Thị Như Yến**

**K/T HIỆU TRƯỞNG**

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Người ký: Trần Thị Minh Hoài
Email: TRAN THI MINH HOAI@TCT
Cơ quan: Trường Chính trị, Tỉnh Bình Thuận
Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
Thời gian ký: 11.12.2021 03:24:00 +07:00

**Trần Thị Minh Hoài**